

Bản án số: 25/2023/HS-ST
Ngày 16-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Cao Biền - Giáo viên, Nguyên Phó Chánh Thanh tra Sở giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội;

Ông Nguyễn Đình Hiền - Nguyên Chi cục phó Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 171/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa đối với các bị cáo:

1. BÙI VĂN A, sinh năm 1997; ĐKKHKT: thôn YN, xã YQ, huyện NQ, tỉnh NB; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn A1 và bà Quách Thị A2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. PHẠM NGỌC B (tên gọi khác: Phạm Ngọc B), sinh ngày 23/6/2002; ĐKKHKT: thôn LV, xã TX, huyện TX2, tỉnh TH; nghề nghiệp: lao động tự do;

trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Đinh Thị O; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. ĐỖ VĂN C, sinh năm 1999; ĐKHKTT: thôn CT, xã NT, huyện NT2, tỉnh ND; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị Q; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. LÒ THANH D, sinh ngày 02/4/2004; ĐKHKTT: bản CC1, xã CN, huyện SH, tỉnh LC; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Thanh H và bà Lường Thị I; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. ĐIỀU CHÍNH E, sinh ngày 11/7/2003; ĐKHKTT: bản CC2, xã CN, huyện SH, tỉnh LC; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều Chính R và bà Lò Thị S; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Hữu G, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số 20 Ngõ 34 LT, Tổ Dân phố AK, phường LK, quận HĐ, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Lò Thanh H, sinh năm 1970 và bà Lường Thị I, sinh năm 1968; nơi cư trú: bản CC1, xã CN, huyện SH, tỉnh LC; vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Điều Chính R, sinh năm 1980 và bà Lò Thị S, sinh năm 1982; nơi cư trú: bản CC2, xã CN, huyện SH, tỉnh LC; vắng mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Thanh D và Điều Chính E: Bà Nguyễn Thị Kim T, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Hữu U, sinh năm 1989; nơi cư trú: NO Khu CĐ, Tổ Dân phố AK, phường LK, quận HĐ, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa;

+ Chị Bùi Thanh V, sinh năm 1995; nơi cư trú: NO Khu CĐ, Tổ Dân phố AK, phường LK, quận HĐ, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa;

+ Anh Nguyễn Hữu Y, sinh năm 1991; nơi cư trú: khu DB, phường LK, quận HĐ, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa;

+ Anh Vũ Đức M, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn CC3, xã PT, huyện PX, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa;

+ Anh Lê Văn K, sinh năm 1987; nơi cư trú: Đội 5, thôn AB1, xã DT, huyện KC, tỉnh HY; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 14/12/2020, anh Nguyễn Hữu G đang ở nhà anh trai của anh G là anh Nguyễn Hữu U, địa chỉ: NO Khu CĐ, Tổ Dân phố AK, phường LK, quận HĐ, thành phố Hà Nội thì nghe thấy bên quán bia Bảo Sơn ở L3 khu CĐ (cạnh nhà anh U) đang bật nhạc to gây ồn ào, anh U bảo anh G sang quán bia nhắc nhở tắt nhạc. Anh G cùng bạn là anh Nguyễn Hữu Y và anh T1 (bạn của anh Y) đi sang quán bia. Khi sang, anh G thấy chủ quán là anh Vũ Đức M đang uống bia và hát cùng một số người, anh G bảo anh M không hát nữa, anh M đồng ý, tắt nhạc và mời anh G cùng 2 bạn của anh G ở lại uống bia giao lưu. Đến khoảng 01 giờ ngày 15/12/2020, bàn bia của anh G gọi thêm bia nhưng quán không bán nữa thì anh G ra thanh toán. Khi đó, anh Lê Văn K làm đầu bếp ở quán bảo với anh G để mai thanh toán, rồi hai bên to tiếng tranh cãi nhau về việc trả tiền, anh G đẩy anh K vào trong quán rồi cùng anh Y và anh T1 đi về. Vì cho rằng anh K bị anh G đánh nên một số nhân viên của quán là Bùi Văn A cầm 01 vỏ chai bia và 01 gậy sắt; Lò Thanh D, Điều Chính E mỗi người cầm 01 vỏ chai bia; Phạm Ngọc B (tên gọi khác là B) cầm 01 gậy sắt và 01 vỏ chai bia; Đỗ Văn C cầm 01 vỏ chai bia và 01 dao đi sang nhà anh G chửi bới. Một số người can ngăn, nhóm của A quay về quán cất dao, gậy sắt và vỏ chai. Anh G vẫn to tiếng với nhân viên của quán ở trước cửa nhà. Thấy vậy, B quay ra cầm 02 vỏ chai bia bằng thủy tinh dung tích 500ml ném về phía anh G nhưng không trúng, A cũng lấy 01 vỏ chai bia bằng

thủy tinh dung tích 500ml trên bàn ăn ở quán chạy ra đứng đối diện anh G, cầm bằng tay phải vút từ trên xuống dưới trúng vào vùng đầu trái của anh G làm rách da chảy máu. Tiếp đó, B chạy tới cầm gậy sắt vút vào lưng của anh G, C đâm đá anh G 2 nhát vào người bằng chân, tay không. D đâm 2 nhát vào người anh G bằng tay. Còn E khai có lao vào đâm anh G nhưng không trúng, mọi người can ngăn thì sự việc kết thúc. Ngày 17/12/2020, anh G có đơn trình báo Công an phường LK, sau đó tin báo được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông điều tra xử lý.

Hậu quả: anh G bị vết thương vùng đỉnh trái kích thước (4x1)cm, điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông từ ngày 15/12/2020 đến ngày 23/12/2020.

Vật chứng thu giữ:

- 01 vỏ chai bia bằng thủy tinh; 01 con dao dài 33cm, có lưỡi bằng kim loại dài 21,5cm, bản rộng 09cm, tay cầm bằng gỗ dài 12,5cm, mũi dao bằng (do Đỗ Văn C giao nộp);

- 01 con dao dài 33cm, lưỡi bằng kim loại dài 21,5cm, bản rộng 09cm, tay cầm bằng gỗ dài 12,5cm, mũi bằng (do Bùi Văn A giao nộp);

- 01 gậy bằng kim loại dài 01m, đường kính 3cm và 02 vỏ chai bia bằng G tinh (do Phạm Ngọc B giao nộp);

- 01 đầu thu camera nhãn hiệu @lhua model DHI XUR4C-52 đã qua sử dụng.

Tại Bản Kết luận giám định Pháp y thương tích số 443/C09-TT1 ngày 19/01/2021 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Anh Nguyễn Hữu G bị vết thương phần mềm vùng đỉnh trái, đã điều trị; hiện tại để lại: sẹo vùng đỉnh trái, kích thước nhỏ, không ảnh hưởng chức năng. Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ Y tế, áp dụng nguyên tắc 1 và Mục I.1, Chương 8 xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với sẹo vùng đỉnh trái, kích thước nhỏ của anh Nguyễn Hữu G tại thời điểm giám định là 1%. Cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương vùng đỉnh trái do vật tày gây ra.

Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường 50.000.000 đồng, các bị cáo chưa bồi thường.

Cáo trạng số 169/CT-VKS-HĐ ngày 05/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận HĐ, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Bùi Văn A, Phạm Ngọc B (tên gọi khác là Phạm Ngọc B), Đỗ Văn C, Lò Thanh D, Điều Chính E về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Hữu G giữ nguyên yêu cầu về các khoản bồi thường, tổng số tiền là 50.000.000 đồng, xác nhận Đỗ Văn C đã tự nguyện bồi thường 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án đối với bị cáo Đỗ Văn C do bị hại đã có đơn rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo. Đối với 04 bị cáo còn lại, quan điểm luận tội cho rằng trong giai đoạn điều tra, truy tố, các bị cáo đã khai nhận tội phù hợp các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng. Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội; các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau, phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo A, B dùng hung khí; các bị cáo còn lại dùng chân tay để đánh bị hại. Thương tích của bị hại không lớn; các bị cáo đều đã đầu thú, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo D và E là người dân tộc thiểu số nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo D và E khi phạm tội chưa thành niên nên được áp dụng thêm Điều 91 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 (đối với D và E) của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt các bị cáo A, B từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng đến 24 tháng; xử phạt các bị cáo D, E từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đến 18 tháng. Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo bồi thường cho anh G các chi phí khám, điều trị thương tích, tiền mất thu nhập, tổn thất tinh thần, tổng số tiền là 17.554.000 đồng; ghi nhận Đỗ

Văn C đã bồi thường 10.000.000 đồng; đối với các yêu cầu bồi thường khác của anh G không có căn cứ đề nghị không chấp nhận. Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy số vật chứng đã thu giữ.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Thanh D và Điều Chính E không có ý kiến về tội danh và điều khoản của Bộ luật Hình sự Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do thiếu hiểu biết về pháp luật, tại thời điểm phạm tội, cả hai bị cáo đều chưa đủ 18 tuổi, trình độ học vấn thấp, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội rất khó khăn; các bị cáo đi làm thuê ở Hà Nội, thiếu sự giám sát của bố mẹ. Các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thương tích của bị hại tổn hại 1% sức khỏe thể hiện hành vi của các bị cáo gây thiệt hại không lớn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 54; 65, 91 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để các bị cáo có cơ hội sửa chữa trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về việc tham gia tố tụng của bố, mẹ các bị cáo Lò Thanh D và Điều Chính E: bị cáo D và E thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, Cơ quan điều tra đã chỉ định người bào chữa cho các bị cáo; Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại thời điểm các bị cáo chưa đủ 18 tuổi, đã xác định bố, mẹ bị cáo là người đại diện hợp pháp của các bị cáo. Tuy nhiên, đến ngày xét xử vụ án, các bị cáo D và E đều đã trên 18 tuổi, do đó các bị cáo đủ năng lực hành vi khi tham gia tố tụng tại phiên tòa và thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xác định bố, mẹ hai bị cáo là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án để buộc trách nhiệm bồi thường dân sự.

[3] Về việc vắng mặt của các bị cáo tại phiên tòa: các bị cáo A, B, C, D và E đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng các bị cáo đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về đánh giá chứng cứ trong vụ án: Lời khai nhận tội của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do quán bia Bảo Sơn ở L3 khu CD bật nhạc to nên khoảng 23 giờ ngày 14/12/2020, anh Nguyễn Hữu G cùng anh Y và anh Tùng sang quán bia nhắc anh Vũ Đức M, là chủ quán tắt nhạc. Sau khi anh M tắt nhạc, anh M mời anh G cùng 2 bạn của anh G ở lại uống bia giao lưu. Đến khoảng 01 giờ ngày 15/12/2020, anh G thanh toán tiền thì anh K nói để mai thanh toán, rồi hai bên to tiếng, anh G đẩy anh K vào trong quán rồi cùng anh Y và anh T1 đi về. Vì cho rằng anh K bị anh G đánh nên một số nhân viên của quán là Bùi Văn A cầm 01 vỏ chai bia và 01 gậy sắt; Lò Thanh D, Điều Chính E mỗi người cầm 01 vỏ chai bia; Phạm Ngọc B cầm 01 gậy sắt và 01 vỏ chai bia; Đỗ Văn C cầm 01 vỏ chai bia và 01 dao đi sang nhà anh G chửi bới. Một số người can ngăn, nhóm của A quay về quán cất dao, gậy sắt và vỏ chai. Anh G vẫn to tiếng với nhân viên của quán ở trước cửa nhà. B quay ra cầm 02 vỏ chai bia bằng thủy tinh dung tích 500ml ném về phía anh G nhưng không trúng, A lấy 01 vỏ chai bia bằng thủy tinh dung tích 500ml chạy ra đứng đối diện anh G, vụt từ trên xuống dưới trúng vào vùng đầu trái của anh G làm rách da chảy máu. B chạy tới cầm gậy sắt vụt vào lưng của anh G; C đâm đá 2 nhát vào người anh G (A khai C cầm vỏ chai bia đập vào lưng anh G khi anh G đang cúi người ôm đầu - BL129, 130); D đâm 2 phát vào người anh G. Đối với hành vi của E, E khai có lao vào đâm anh G nhưng do anh G tránh nên không trúng; tuy nhiên, các bị cáo khác đều khai E có lao vào đâm anh G (lời khai A BL123, 129, 130; lời khai C BL105, 106, 173 đến 175; lời khai B BL 143 đến 146, 153; lời khai D BL204, 205); người làm chứng là anh Lê Văn K khai BL215, 216, xác định E cố ý xông vào cùng các bị cáo khác đánh anh G. Hành vi của các bị cáo là hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhau gây thương tích cho anh G cho đến khi được mọi người can ngăn các bị cáo mới dừng lại. Hậu quả: anh G bị thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 1%. Ngày 17/12/2020, anh G có đơn đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo tuy không có sự bàn bạc trước nhưng đã tiếp nhận ý chí của nhau cùng quay đánh gây thương tích cho anh G, hành vi của các bị cáo thuộc trường

hợp đồng phạm giản đơn nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung đối với hậu quả của vụ án. Các bị cáo sử dụng vỏ chai bia, gậy sắt - là hung khí nguy hiểm gây thương tích 1% cho anh G, hành vi của bị cáo thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, anh G có đơn đề nghị khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân quận HĐ truy tố các bị cáo về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Nguyễn Hữu G rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Đỗ Văn C với lý do bị cáo C đã nhận thức được lỗi của mình, đến xin lỗi và tự nguyện bồi thường cho anh G số tiền 10.000.000 đồng. Xét thấy, việc anh G rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo C là tự nguyện, không bị ép buộc, cưỡng bức, thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ vụ án đối với bị cáo Đỗ Văn C. Theo đó, cần hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Đỗ Văn C theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 68/LCĐKNCT-TA ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

[6] Đối với các bị cáo Bùi Văn A, Phạm Ngọc B, Lò Thanh D và Điều Chính E:

Cá thể hóa trách nhiệm hình sự trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo thấy rằng: Về nguyên nhân xảy ra xô xát, anh K khai khi anh G ra thanh toán tiền thì anh K nói để mai thanh toán, anh K và anh G tranh nhau việc trả tiền, anh G đẩy anh K vào nhà, khi nhân viên của quán ra thì anh G đã đi về đến nhà (BL215, 216), nhưng các bị cáo thì cho rằng anh G đánh anh K nên đã cầm dao, gậy, vỏ chai bia bằng thủy tinh định tấn công anh G, khi được can ngăn các bị cáo đã dừng lại. Do sau đó anh G tiếp tục chửi bới làm cho các bị cáo bức tức, đã sử dụng hung khí nguy hiểm và chân tay đấm đá gây thương tích cho anh G. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự hung hãn, coi thường sức khỏe của người khác; bị hại có yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng không có bị cáo nào bồi thường, cần xử lý nghiêm.

Bị cáo A là người đầu tiên cầm vỏ chai bia đập vào đầu anh G, sau đó là bị cáo B dùng gậy sắt vụt vào lưng anh G, các bị cáo D, E dùng chân tay đấm đá anh G, xác định hành vi của A nguy hiểm nhất, tiếp đến hành vi của B, hành vi của D

và E ngang nhau.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị hại bị gây thương tích tồn lại 1% sức khỏe thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn; cả bốn bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo D khi thực hiện hành vi phạm tội mới 16 tuổi 8 tháng 12 ngày; E khi thực hiện hành vi phạm tội mới 17 tuổi 5 tháng 03 ngày nên hai bị cáo được áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về người dưới 18 tuổi phạm tội. Xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo, để các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng trừng trị, giáo dục các bị cáo nói riêng, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo gây thương tích cho anh Nguyễn Hữu G nên phải có trách nhiệm bồi thường. Đối với bị cáo D và E, thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, bản thân các bị cáo chưa có tài sản nên bố, mẹ các bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên gây ra. Anh Nguyễn Hữu G yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (BL228), gồm các khoản sau:

- + Tiền viện phí: 5.500.000 đồng;
- + Tiền thuốc, dụng cụ y tế: 1.500.000 đồng;
- + Tiền sinh hoạt khi nằm viện: 2.000.000 đồng;
- + Tiền nghỉ làm 01 tháng: 7.000.000 đồng;
- + Tiền người nhà chăm sóc: 5.000.000 đồng;
- + Tiền tổn thất tinh thần: 29.000.000 đồng.

Anh G xuất trình tài liệu chứng minh là Biên lai thu tiền của Bệnh viện Đa khoa HĐ, số tiền 4.394.459 đồng, bao gồm: 215.000 đồng tiền xét nghiệm; 1.709.300 đồng tiền chẩn đoán hình ảnh; 38.700 đồng tiền công khám; 1.628.800 đồng tiền giường; 178.000 đồng tiền thủ thuật, phẫu thuật; 624.659 đồng tiền thuốc (BL91, 92). Trong giai đoạn điều tra, anh G khai, ngoài hóa đơn viện phí, anh G không phát sinh thêm chi phí khám, điều trị nào khác về vết thương của mình

(BL99, 101); tại phiên tòa, anh G cũng không xuất trình được thêm chứng cứ nào mới.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 590 của Bộ luật Dân sự, cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh G thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm. Theo đó, cần chấp nhận các khoản tiền viện phí, tiền chi phí ăn uống sinh hoạt khi nằm viện, tiền mất thu nhập do phải nghỉ làm điều trị thương tích và nghỉ dưỡng sau khi ra viện, tiền tổn thất tinh thần. Đối với khoản tiền thuốc, dụng cụ y tế đã được tính trong hóa đơn thanh toán viện phí nên không được chấp nhận; đối với khoản tiền người nhà chăm sóc, anh G bị thương tích 1%, theo trích sao bệnh án tình trạng tinh tảo nên không chấp nhận khoản tiền này.

Về mức bồi thường, trên cơ sở hóa đơn thanh toán và các chi phí hợp lý các khoản tiền không có hóa đơn, cần chấp nhận các mức bồi thường như sau:

- + Tiền viện phí: theo hóa đơn là 4.394.459 đồng;
- + Tiền tiền chi phí ăn uống sinh hoạt khi nằm viện: anh G điều trị tại Bệnh viện từ ngày 15 đến 23/12/2020 tổng 09 ngày, chi phí 200.000 đồng/ngày: $9 \times 200.000 \text{ đồng} = 1.800.000 \text{ đồng}$;
- + Tiền mất thu nhập do phải nghỉ làm điều trị thương tích và nghỉ dưỡng sau khi ra viện thời gian 01 tháng: anh G là lao động tự do, theo xác minh tại Chi cục Thống kê HĐ, thu nhập bình quân đầu người là 6.891.666 đồng/tháng (BL110), tính làm tròn là 6.892.000 đồng;
- + Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: anh G bị thương tích 1% nên chấp nhận mức tương đương 05 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định: $05 \times 1.490.000 \text{ đồng} = 7.450.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 20.536.459 đồng, làm tròn là 20.536.000 đồng.

Trách nhiệm bồi thường của mỗi bị cáo được xác định tương ứng với mức độ lỗi của mỗi bị cáo, theo đó, bị cáo A phải bồi thường cao nhất, sau đến bị cáo B; các bị cáo C, D, E phải bồi thường mức bằng nhau. Cụ thể số tiền mỗi bị cáo bồi thường là: A: 5.236.000 đồng; B: 4.200.000 đồng; các bị cáo C, D, E mỗi bị cáo bồi thường 3.700.000 đồng. Phần trách nhiệm của bị cáo D, E do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên bố, mẹ các bị cáo có trách nhiệm bồi thường.

Đối với phần trách nhiệm dân sự của bị cáo C, anh G xác nhận bị cáo C đã

tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, anh G không yêu cầu C bồi thường thêm, Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo C đã thực hiện xong phần trách nhiệm bồi thường của mình đối với anh G.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị cáo: 03 vỏ chai bia bằng thủy tinh; 01 gậy bằng kim loại dài 01m, đường kính 3cm; 02 dao dài 33cm, có lưỡi bằng kim loại dài 21,5cm, bản rộng 09cm, tay cầm bằng gỗ dài 12,5cm, mũi dao bằng; thu giữ của anh Vũ Đức M chủ quán bia 01 đầu thu camera nhãn hiệu @lhua model DHI XUR4C-52 đã qua sử dụng, cần xử lý như sau: đối với các vật chứng là hung khí nguy hiểm cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 đầu thu camera anh M tự nguyện giao nộp để phục vụ điều tra, anh M không có yêu cầu gì, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, người có trách nhiệm bồi thường dân sự phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm trên cơ sở số tiền phải bồi thường. Bị hại Nguyễn Hữu G rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Đỗ Văn C, căn cứ khoản 3 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Hữu G phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với Cơ sở dịch vụ ăn uống Bia hơi Sài Gòn Tuấn Hưng (tên gọi khác là quán bia Bảo Sơn) do anh Vũ Đức M làm chủ, đêm ngày 14, rạng ngày 15/12/2020 tại cơ sở này có mở nhạc hát gây ồn ào, sau đó xảy ra xô xát đánh nhau gây mất an ninh trật tự ở địa bàn, Viện kiểm sát nhân dân quận HĐ đã yêu cầu Công an quận HĐ tiến hành xử lý hành chính theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đối với bị cáo Đỗ Văn C:

1.1. Căn cứ khoản 2 Điều 155; điểm a khoản 1 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ vụ án đối với bị cáo Đỗ Văn C.

1.2. Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Đỗ Văn C theo Lệnh cấm đi

khỏi nơi cư trú số 68/LCĐKNCT-TA ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

2. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn A, Phạm Ngọc B (tên gọi khác là B), Lò Thanh D và Điều Chính E phạm tội Cố ý gây thương tích.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn A 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn A cho Ủy ban nhân dân xã YQ, huyện NQ, tỉnh NB giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Bùi Văn A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc B (tên gọi khác là B) 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Ngọc B (tên gọi khác là B) cho Ủy ban nhân dân xã TX, huyện TX2, tỉnh TH giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phạm Ngọc B (tên gọi khác là B) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; các điều 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

+ Xử phạt bị cáo Lò Thanh D 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lò Thanh D cho Ủy ban nhân dân xã CN, huyện SH, tỉnh LC

giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lò Thanh D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Điều Chính E 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Điều Chính E cho Ủy ban nhân dân xã CN, huyện SH, tỉnh LC giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Điều Chính E thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 590 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Bùi Văn A, Phạm Ngọc B (tên gọi khác là B), Đỗ Văn C, Lò Thanh D và Điều Chính E bồi thường cho anh Nguyễn Hữu G thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm, các khoản sau:

- + Tiền viện phí: theo hóa đơn là 4.394.459 đồng;
- + Tiền tiền chi phí ăn uống sinh hoạt khi nằm viện: 1.800.000 đồng;
- + Tiền mất thu nhập do phải nghỉ làm điều trị thương tích và nghỉ dưỡng sau khi ra viện thời gian 01 tháng: 6.892.000 đồng;
- + Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: 7.450.000 đồng.

Tổng cộng: 20.536.459 đồng, làm tròn là 20.536.000 (hai mươi triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Trách nhiệm bồi thường của mỗi bị cáo như sau:

- + Bị cáo Bùi Văn A phải bồi thường: 5.236.000 (năm triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn) đồng;
- + Bị cáo Phạm Ngọc B (tên gọi khác là B) phải bồi thường: 4.200.000 (bốn triệu hai trăm nghìn) đồng;

+ Bị cáo Đỗ Văn C phải bồi thường: 3.700.000 (ba triệu bảy trăm nghìn) đồng; ghi nhận bị cáo C đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường đối với anh Nguyễn Hữu G.

+ Bị cáo Lò Thanh D phải bồi thường: 3.700.000 (ba triệu bảy trăm nghìn) đồng. Ông Lò Thanh H và bà Lương Thị I có nghĩa vụ bồi thường thay bị cáo D, phần trách nhiệm của ông Lò Thanh H là 1.850.000 (một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng, phần trách nhiệm của bà Lương Thị I là 1.850.000 (một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng;

+ Bị cáo Điều Chính E phải bồi thường: 3.700.000 (ba triệu bảy trăm nghìn) đồng. Ông Điều Chính R và bà Lò Thị S có nghĩa vụ bồi thường thay bị cáo E, phần trách nhiệm của ông Điều Chính R là 1.850.000 (một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng, phần trách nhiệm của bà Lò Thị S là 1.850.000 (một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

- 03 vỏ chai bia bằng thủy tinh;
- 01 gậy bằng kim loại dài 01m, đường kính 3cm;
- 02 dao dài 33cm, có lưỡi bằng kim loại dài 21,5cm, bản rộng 09cm, tay cầm bằng gỗ dài 12,5cm, mũi dao bằng;
- 01 đầu thu camera nhãn hiệu @lhua model DHI XUR4C-52 đã qua sử dụng.

Số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Bùi Văn A, Phạm Ngọc B (tên gọi khác là B), Lò Thanh D và Điều Chính E, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Hữu G phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: các bị cáo Bùi Văn A và Phạm Ngọc B, mỗi bị cáo phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; ông Lò Thanh H, bà Lương Thị I, ông Điều Chính R và bà Lò Thị S, mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Áp dụng các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/02/2023; các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú, hoặc cư trú cuối cùng.

Nơi nhận:

- Công an quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ánh